

Lưu Pacific
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 22

30957
CÔNG
TY
KIỂM
TOÁN
ÁI BÌNH
PHỐ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hôi (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hôi được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 6100187306 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Tài chính Quảng Ngãi cấp ngày 21 tháng 08 năm 2025.

Vốn điều lệ: 9.730.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Xã Bờ Y, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0260 3832132

Mã số thuế: 6100187306

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

- Ông Trần Ngọc Thanh Vũ	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Ngô Tùng Khoa	Phó Giám đốc
- Ông Cao Xuân Hoan	Phó Giám đốc
- Ông Lương Quốc Thế	Kiểm soát viên
- Ông Lê Văn Khương	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển rừng.
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc

Số: 013./2026/BCKITTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi, được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

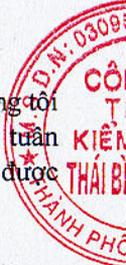
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày cụ thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2023-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2023-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 01/01/2025
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.051.642.410	10.170.349.170
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.299.538.952	3.372.543.581
1. Tiền	111	V.01	299.538.952	1.372.543.581
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.497.604.317	5.886.935.167
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	8.433.861.667	5.521.261.667
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	204.000	100.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	63.538.650	156.509.588
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	(100.000.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.04b	-	209.163.912
IV: Hàng tồn kho	140		44.005.410	697.831.314
1. Hàng tồn kho	141	V.05	44.005.410	697.831.314
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		210.493.731	213.039.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	-	59.959.289
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.11a	210.493.731	153.079.819
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.199.275.968	7.148.243.865
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.065.308.334	5.724.213.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	6.065.308.334	5.724.213.042
Nguyên giá	222		7.554.225.625	6.807.492.125
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.488.917.291)	(1.083.279.083)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.554.094.149	841.886.693
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	1.554.094.149	841.886.693
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		579.873.485	582.144.130
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	579.873.485	582.144.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.250.918.378	17.318.593.035



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2025	TẠI NGÀY 01/01/2025
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.046.619.092	4.927.429.780
I. Nợ ngắn hạn	310		5.046.619.092	4.927.429.780
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	1.484.724.124	1.890.692.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	2.691.279.230	2.084.029.176
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	103.032	103.032
4. Phải trả người lao động	314	V.12	393.472.846	565.107.434
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	81.359.430	61.059.224
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	395.680.430	326.438.780
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.204.299.286	12.391.163.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	10.071.335.107	10.172.328.532
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.277.137.829	8.277.137.829
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.306.013	132.299.438
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.762.891.265	1.762.891.265
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.16	3.132.964.179	2.218.834.723
1. Nguồn kinh phí	431		1.554.094.149	639.964.693
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		1.578.870.030	1.578.870.030
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.250.918.378	17.318.593.035

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu



Lê Văn Khương
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2025	NĂM 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	13.595.732.268	12.821.678.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.595.732.268	12.821.678.769
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.713.196.199	1.784.642.621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.882.536.069	11.037.036.148
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	52.760.457	86.915.516
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	11.091.301.160	11.187.634.234
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		843.995.366	(63.682.570)
11. Thu nhập khác	31	VI.05	98.000.000	471.602.000
12. Chi phí khác	32	VI.06	816.489.816	200.940.866
13. Lợi nhuận khác	40		(718.489.816)	270.661.134
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.505.550	206.978.564
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	94.199.537	74.679.126
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.306.013	132.299.438

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 16 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu



Lê Văn Khương
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

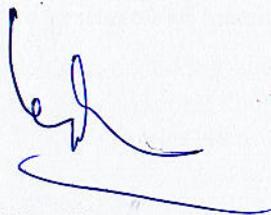
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2025	NĂM 2024
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		11.409.947.449	10.965.477.028
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.890.716.833)	(3.948.243.543)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.573.839.033)	(5.732.844.362)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(161.733.977)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		416.048.611	369.735.199
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.272.710.846)	(4.691.699.722)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(2.073.004.629)	(3.037.575.400)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.100.000.000)	(17.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.100.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	2.500.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.073.004.629)	(537.575.400)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.372.543.581	3.910.118.981
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.299.538.952	3.372.543.581

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

Ngày 16 tháng 03 năm 2026



Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu



Lê Văn Khương
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 6100187306 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Tài chính Quảng Ngãi cấp ngày 21 tháng 08 năm 2025.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV

- Vốn điều lệ: 9.730.000.000 đồng

Trụ sở đặt tại: Tổ dân phố 3, Xã Bờ Y, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lâm nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lao động thực tế tại ngày 31/12/2025 là 46 người.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị không có Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Thực tế đích danh

c. *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

30957
CÔNG
TN
TỔNG
ÁI BÌNH
PHỐ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	5.026.849	2.360.721
- Tiền mặt tại quỹ VND	5.026.849	2.360.721
Tiền gửi ngân hàng VND	294.512.103	1.370.182.860
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	13.438.824	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	76.973.222	1.055.794.985
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	204.100.057	314.387.875
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	1.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	1.299.538.952	3.372.543.581

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Phải thu khách hàng	31/12/2025	01/01/2025
<i>Ngắn hạn</i>		
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Quảng Ngãi	8.433.861.667	5.521.261.667
Tổng cộng	8.433.861.667	5.521.261.667

3. Trả trước cho người bán	31/12/2025	01/01/2025
<i>Ngắn hạn</i>		
- Công ty TNHH Tân Cường Kon Tum	204.000	-
- Công ty Cổ phần xây dựng Haluta	-	100.000.000
Tổng cộng	204.000	100.000.000

4. Các khoản phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
<i>a. Ngắn hạn</i>	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền lãi dự thu ngân hàng	-		17.470.938	
- Tạm ứng	13.538.650		39.038.650	
- Công ty Hoàng Kông (3*)	-	-	100.000.000	100.000.000
- Phải thu khác	50.000.000	-	-	-
Tổng cộng	63.538.650	-	156.509.588	100.000.000

(3*) Đây là khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2022 với số tiền 200.000.000 đồng phải xử lý theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Trong năm 2023 Công ty đã trích lập dự phòng khoản công nợ này vào chi phí khác với số tiền 200.000.000 đồng và năm 2024 Công ty đã xóa nợ 100.000.000 đồng theo kế hoạch được giao. Đến năm 2025 công ty đã toàn bộ xóa số nợ còn lại.

b. Tài sản thiếu chờ xử lý (4*)	31/12/2025	01/01/2025
- Chi phí khai thác gỗ các năm và phân bón, vật tư, cây giống	-	201.277.912
- Thiệt hại rừng	-	7.886.000
Tổng cộng	-	209.163.912

(4*) Tài sản thiếu chờ xử lý tại ngày 31/12/2022 là 610.713.199 đồng. Công ty đã xử lý một phần vào chi phí khác trong năm 2023 với giá trị 235.970.000 đồng và năm 2024 với giá trị 165.579.287 đồng theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Đến năm 2025 Công ty đã xử lý toàn bộ toàn bộ tài sản thiếu chờ xử lý này vào chi phí khác trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí SXKD dở dang				
+ Chi phí trồng rừng sản xuất (5*)	-		653.825.904	
+ Chi phí SXKD dở dang khác	44.005.410		44.005.410	
Tổng cộng	44.005.410	-	697.831.314	-

(5*) Chi phí trồng rừng sản xuất với số tiền 934.045.904 đồng là giá trị đầu tư trồng rừng trong những năm 1994, 1995, 1996, 2001, 2002, 2003 tại Lâm trường Dục Nông, diện tích đất này đã chuyển giao cho UBND xã Đăk Nông. Trong năm 2023 Công ty đã xử lý một phần vào chi phí khác với giá trị 280.220.000 đồng theo Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 30/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Đến năm 2025 Công ty đã xử lý toàn bộ chi phí trồng rừng sản xuất này vào chi phí khác trong năm.

6. Chi phí trả trước	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Chi phí phân bổ	-	-	44.612.922	44.612.922
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	-	-	15.346.367	15.346.367
Tổng cộng	-	-	59.959.289	59.959.289
<i>b. Dài hạn</i>				
- Chi phí xây dựng phương án QLVR bền vững	453.745.245	-	90.534.635	544.279.880
- Chi phí trồng sâm cau	29.982.000	29.982.000	-	-
- Chi phí phân bổ	-	-	20.000.000	20.000.000
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	96.146.240	104.765.240	26.483.250	17.864.250
Tổng cộng	579.873.485	134.747.240	137.017.885	582.144.130

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá						
- Số dư đầu năm	3.047.723.669	735.556.800	56.650.000	2.803.172.656	164.389.000	6.807.492.125
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	746.733.500	-	-	-	-	746.733.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.794.457.169	735.556.800	56.650.000	2.803.172.656	164.389.000	7.554.225.625
Khấu hao lũy kế						
- Số dư đầu năm	599.317.214	406.129.368	2.832.501	-	75.000.000	1.083.279.083
- Khấu hao trong kỳ	311.289.252	74.080.056	11.330.004	-	8.938.896	405.638.208
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	910.606.466	480.209.424	14.162.505	-	83.938.896	1.488.917.291
Giá trị còn lại						
- Số dư đầu năm	2.448.406.455	329.427.432	53.817.499	2.803.172.656	80.450.104	5.724.213.042
- Số dư cuối kỳ	2.883.850.703	255.347.376	42.487.495	2.803.172.656	80.450.104	6.065.308.334
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn được sử dụng bao gồm:						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2025	71.034.017	-	-	-	75.000.000	146.034.017

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>				
- Trồng rừng thay thế 2023	862.863.317	862.863.317	639.964.693	639.964.693
- Trồng rừng thay thế 2025	691.230.832	691.230.832	-	-
- Chốt BV rừng dốc Bồ Đội	-	-	201.922.000	201.922.000
Tổng cộng	1.554.094.149	1.554.094.149	841.886.693	841.886.693
9. Phải trả người bán	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
- Hộ nhận khoán QL BVR	1.186.225.998	1.186.225.998	835.697.999	835.697.999
- Công ty TNHH Tấn Cường Kon Tum	-	-	240.336.096	240.336.096
- Công ty Cổ phần cơ khí và lắp máy Đại Hân	-	-	354.872.000	354.872.000
- Phan Thị Điệp	12.882.240	12.882.240	103.844.888	103.844.888
- Công ty TNHH sản xuất thương mại và xây dựng Nhật Nam	84.454.760	84.454.760	-	-
- Các đối tượng khác	201.161.126	201.161.126	355.941.151	355.941.151
Tổng cộng	1.484.724.124	1.484.724.124	1.890.692.134	1.890.692.134
10. Người mua trả tiền trước	31/12/2025		01/01/2025	
	<i>Ngắn hạn</i>			
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi			2.691.279.230	2.084.029.176
Tổng cộng			2.691.279.230	2.084.029.176
11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	31/12/2025		01/01/2025	
		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	
Thuế giá trị gia tăng	(19.966.267)	-	-	(19.966.267)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(166.453.996)	94.199.537	161.733.977	(98.919.556)
Thuế thu nhập cá nhân	(557.679)	56.543.737	46.423.209	(10.678.207)
Thuế tài nguyên	(193.587)	-	-	(193.587)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	103.032	140.787.892	140.787.892	103.032
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(23.322.202)	-	-	(23.322.202)
Tổng cộng	(210.390.699)	296.531.166	353.945.078	(152.976.787)

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trong đó:

a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	31/12/2025	01/01/2025		
Thuế giá trị gia tăng	19.966.267	19.966.267		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.453.996	98.919.556		
Thuế thu nhập cá nhân	557.679	10.678.207		
Thuế tài nguyên	193.587	193.587		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.322.202	23.322.202		
Tổng cộng	210.493.731	153.079.819		
b. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	31/12/2025	01/01/2025		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	103.032	103.032		
Tổng cộng	103.032	103.032		
12. Phải trả công nhân viên	31/12/2025	01/01/2025		
- Phải trả công nhân viên	393.472.846	565.107.434		
Tổng cộng	393.472.846	565.107.434		
13. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025		
<i>Ngắn hạn</i>				
- Kinh phí công đoàn	6.036.461	14.850.777		
- Bảo hiểm xã hội	32.372.715	10.369.564		
- Bảo hiểm y tế	7.571.633	3.218.962		
- Bảo hiểm thất nghiệp	21.715.622	18.956.922		
- Các khoản phải trả khác	13.662.999	13.662.999		
Tổng cộng	81.359.430	61.059.224		
14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
Quỹ khen thưởng	244.014.007	43.176.438	11.926.000	212.763.569
Quỹ phúc lợi	68.981.595	90.000.000	45.304.616	24.286.211
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	82.684.828	-	6.704.172	89.389.000
Tổng cộng	395.680.430	133.176.438	63.934.788	326.438.780

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HÒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2024	8.277.137.829	-	1.762.891.265	10.040.029.094
- Lãi trong năm	-	132.299.438	-	132.299.438
Số dư tại 31/12/2024	8.277.137.829	132.299.438	1.762.891.265	10.172.328.532
- Lãi trong năm	-	31.306.013	-	31.306.013
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(132.299.438)	-	(132.299.438)
Số dư tại 31/12/2025	8.277.137.829	31.306.013	1.762.891.265	10.071.335.107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	31/12/2025	01/01/2025
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu tư của nhà nước (UBND tỉnh Kon Tum)	8.277.137.829	8.277.137.829
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2025	Năm 2024
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	8.277.137.829	8.277.137.829
+ Vốn góp cuối năm	8.277.137.829	8.277.137.829
16. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí trồng rừng thay thế (*)	NĂM 2025	NĂM 2024
- Số dư đầu năm	639.964.693	515.497.940
- Tăng trong năm	914.129.456	124.466.753
Nhận vốn trồng rừng thay thế 2023	222.898.624	124.466.753
Nhận vốn trồng rừng thay thế 2025	691.230.832	
- Số dư cuối năm	1.554.094.149	639.964.693

(*) Căn cứ quyết định số 309/QĐ-TCLN-QBVPTR ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phương án phân bổ kinh phí trồng rừng thay thế năm 2023 cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi. Trong năm 2025, Công ty đã ghi nhận nguồn kinh phí với tổng giá trị là 222.898.624 đồng.

(*) Căn cứ quyết định số 65/QBVMTR-KHTC ngày 05/08/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí thực hiện trồng rừng thay thế năm 2025 cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi. Trong năm 2025, Công ty đã ghi nhận nguồn kinh phí với tổng giá trị là 691.230.832 đồng.

b. Nguồn kinh phí quản lý bảo vệ rừng ()**

(**) Trong năm, Công ty ghi nhận nguồn kinh phí sự nghiệp theo Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Sở Tài chính tỉnh Kon Tum đã cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2025 tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi tương ứng với số tiền 4.146.000.000 đồng.

Tổng hợp quyết toán kinh phí quản lý bảo vệ rừng tự nhiên dừng khai thác thực hiện theo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2025

	Kế hoạch	Thực hiện
- Tổng diện tích rừng tự nhiên tạm dừng khai thác được nghiệm thu, quyết toán	14.117,2 ha	14.116 ha
+ Nguồn kinh phí	7.058.600.000	4.146.000.000
- Kinh phí được quyết toán trong năm	7.058.600.000	7.058.125.000
- Kinh phí thừa thiếu chuyển sang năm sau	-	(2.912.125.000)
+ Chi tiết quyết toán kinh phí	7.056.859.300	7.057.880.941
- Tiền lương, tiền công (Cho đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp khi dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên)	4.409.981.421	4.461.758.544
- Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN	808.469.396	783.842.990
- Chi phí quản lý	840.908.483	837.967.383
- Chi phí bảo vệ rừng	669.000.000	618.837.243
- Chi phí PCCCR	188.500.000	200.948.225
- Chi phí khác	140.000.000	154.526.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	NĂM 2025	NĂM 2024
c. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
- Số dư đầu năm	1.578.870.030	1.578.870.030
- Tăng trong năm	-	-
- Giảm trong năm	-	-
- Số dư cuối năm	1.578.870.030	1.578.870.030
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.		
	NĂM 2025	NĂM 2024
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	13.595.732.268	12.821.678.769
trong đó:		
- Doanh thu dịch vụ môi trường rừng	6.537.132.268	7.292.442.102
- Doanh thu QLBR	7.058.600.000	5.529.236.667
- Doanh thu hợp tác kinh doanh tole lợp	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.595.732.268	12.821.678.769
2. Giá vốn hàng bán	NĂM 2025	NĂM 2024
Giá vốn	1.713.196.199	1.784.642.621
Tổng cộng	1.713.196.199	1.784.642.621
3. Doanh thu hoạt động tài chính	NĂM 2025	NĂM 2024
Lãi tiền gửi	52.760.457	69.444.578
Lãi dự thu	-	17.470.938
Tổng cộng	52.760.457	86.915.516
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	NĂM 2025	NĂM 2024
Chi phí quản lý (642.CĐ)	179.477.174	223.464.698
Chi phí nhân viên quản lý	8.222.816.145	7.401.616.885
Chi phí vật liệu quản lý	28.960.124	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.207.928	429.632.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.995.140	230.587.362
Thuế, phí và lệ phí	182.908.156	175.166.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.478.533	682.889.692
Chi phí bằng tiền khác	1.276.457.960	2.044.276.512
Tổng cộng	11.091.301.160	11.187.634.234
5. Thu nhập khác	NĂM 2025	NĂM 2024
Nhận kinh phí hỗ trợ bảo hiểm đối với Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số	98.000.000	247.300.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	223.623.000
Thu nhập khác	-	679.000
Tổng cộng	98.000.000	471.602.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Chi phí khác	NĂM 2025	NĂM 2024
Xử lý tài chính		
Xử lý tài chính: thiệt hại rừng và tài sản thiếu chờ xử lý	209.163.912	165.579.287
Xử lý tài chính: các tồn tại về chi phí trồng rừng sản xuất	653.825.904	-
Xử lý tài chính: điều chỉnh	(50.000.000)	
Chi phí thanh lý tài sản	-	34.523.800
Chi phí khác	3.500.000	837.779
Tổng cộng	816.489.816	200.940.866

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	NĂM 2025	NĂM 2024
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.505.550	206.978.564
Cộng các khoản chi phí không được trừ	816.489.816	166.417.066
Thu nhập tính thuế	941.995.366	373.395.630
Thuế suất thuế TNDN	10%	20%
Tiền thuế TNDN	94.199.537	74.679.126
Chi phí thuế TNDN hiện hành	94.199.537	74.679.126

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% được ưu đãi đối với ngành nghề: Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng căn cứ theo điểm i, khoản 2, điều 12 và điểm b, khoản 2 điều 13 của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 do Quốc hội ban hành.

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	NĂM 2025	NĂM 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192.168.052	429.632.861
Chi phí nhân công, nhân viên	8.402.293.319	7.625.081.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	389.995.140	230.587.362
Chi phí thuế, phí và lệ phí	182.908.156	175.166.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.478.533	682.889.692
Chi phí khác bằng tiền	2.989.654.159	3.828.919.133
Tổng cộng	12.804.497.359	12.972.276.855

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Trần Ngọc Thanh Vũ	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Ngô Tùng Khoa	Phó Giám đốc
- Ông Cao Xuân Hoan	Phó Giám đốc
- Ông Lương Quốc Thế	Kiểm soát viên
- Ông Lê Văn Khương	Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NGỌC HỒI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Thu nhập

	NĂM 2025	NĂM 2024
	1.164.264.539	1.108.900.002

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm 2025 là số liệu cuối năm 2024 đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có sự kiện hoặc điều kiện nào có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2025 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 16 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Mỹ Sinh
Người lập biểu

Lê Văn Khương
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thanh Vũ
Giám đốc



Mẫu số 01
BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG NĂM 2025
(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	0	0
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)		0
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	0	
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D (đồng)		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)	0	0
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D (đồng)		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D (đồng)	0	0
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D (đồng)	0	0
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			-152.976.787	-244.967.181
8. Vốn điều lệ		D (đồng)	9.730.000.000	9.730.000.000
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	296.531.166	236.154.652
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	296.531.166	236.154.652
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		0
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		0
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	353.945.078	144.164.258
- Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P (đồng)		0
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	-210.390.699	-152.976.787
12. Tổng quỹ Lương	622	D (đồng)	5.083.314.511	6.105.947.352
13. Số lao động bình quân (người)	610	D (đồng)	47,00	47,00
14. Tiền lương bình quân người/năm	623	D (đồng)	108.155.628	129.913.773

Bờ Y, ngày 17 tháng 3 năm 2026
CƠ QUAN ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Thanh Vũ